

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 341/LTT-TTĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2025

Về việc thực hiện mẫu phiếu khảo sát hiện trạng
ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại Trường
Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Kính gửi: Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin.

Căn cứ Công văn số 314/KHCNTT-TT ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin về khảo sát hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các trường Trung cấp, Cao đẳng.

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện mẫu phiếu khảo sát hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại Trường (đính kèm phiếu khảo sát).

Kính báo cáo Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin được biết ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu; VT, TTĐH(HT).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Châu Văn Bảo



MẪU PHIẾU KHẢO SÁT

I. Thông tin chung về Nhà trường:

- Tên trường: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.
Email liên hệ: lytutronghcmc@lttc.edu.vn.
- Hiệu trưởng: Đinh Văn Đệ
Họ và tên: Đinh Văn Đệ Điện thoại: 09198216994
- Địa chỉ cổng thông tin điện tử của trường: <https://lttc.edu.vn/>
- Tổng số ngành, nghề đào tạo: 49 (ngành, nghề)
- Số lượng cán bộ, nhân viên tại trường (không bao gồm giáo viên, giảng viên): 326. (người)
- Số lượng giáo viên, giảng viên tại trường: 173 (người)
- Số lượng người hiện đang học tại trường: 11.224 (sinh viên, học viên)
- Bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại trường:

- Lãnh đạo phụ trách:

Họ và tên: Châu Văn Bảo Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
Điện thoại: 090 6677068 Email: chauvanbao@lttc.edu.vn

- Phòng/ban chuyên môn triển khai:

+ Tên phòng/ban: Trung tâm Điều hành – Quản lý dữ liệu

+ Cán bộ đầu mối liên hệ:

Họ và tên: Nguyễn Hữu Thiện.

Chức vụ: Trưởng Trung tâm Điều hành – Quản lý dữ liệu.

Điện thoại: 0908917090. Email: nguyenhuuthien@lttc.edu.vn

II. Hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ quản trị, điều hành, học tập

- Số lượng máy tính phục vụ quản lý, điều hành (hành chính): 80 (máy)
- Số lượng máy tính phục vụ giảng dạy và học tập: 1371 (máy), trong đó số máy tính được kết nối Internet: 1371 (máy).
- Số lượng phòng Lab, phòng CNTT phục vụ đào tạo: 22 (phòng).

4. Phòng studio phục vụ sản xuất học liệu (studio bao gồm phòng chuyên biệt được lắp đặt các phần mềm và thiết bị CNTT dùng cho việc xây dựng, biên tập và xuất bản học liệu điện tử)

☒ Có và đáp ứng yêu cầu về sản xuất học liệu của Nhà trường.

☐ Có, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về sản xuất học liệu của Nhà trường.

☐ Chưa có.

5. Cung cấp Internet (wifi) miễn phí cho sinh viên và giảng viên

☒ Đã cung cấp. Băng thông Internet: 10 GB

☐ Chưa cung cấp.

6. Trung tâm dữ liệu (Data Center)

☒ Nhà trường có phòng máy chủ riêng

- Số lượng máy chủ vật lý: 05 CPU

- Tổng dung lượng RAM: 256 GB;

- Tổng dung lượng HDD/SSD: 96 TB

☐ Thuê dịch vụ của nhà cung cấp (đề nghị ghi tên của nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ: Viettel, CMC, FPT...). Chi phí thuê dịch vụ hàng năm: (triệu đồng).

7. Triển khai giải pháp bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin theo cấp độ (theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ)

- Tỷ lệ 100% các hệ thống thông tin đã được triển khai theo cấp độ 1.

- Tỷ lệ% các hệ thống thông tin đã được triển khai theo cấp độ 2.

- Tỷ lệ% các hệ thống thông tin đã được triển khai theo cấp độ 3.

- Tỷ lệ% các hệ thống thông tin chưa triển khai.

8. Triển khai trực liên thông (LGSP) kết nối dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong Nhà trường:

☒ Đã triển khai.

☐ Chưa triển khai.

9. Triển khai hệ thống quản lý tài khoản theo hình thức đăng nhập một lần (SSO):

☒ Đã triển khai.

☐ Chưa triển khai.

III. Triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản trị, điều hành

10. Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý đào tạo chưa?

☒ Đã triển khai. Nêu Tên giải pháp và tên nhà cung cấp: Công ty Cổ Phần Giải Pháp Giáo Dục ASC

☐ Chưa triển khai.

11. Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý nhân sự (PMIS) chưa?

☒ Đã triển khai. Tên giải pháp và tên nhà cung cấp: Công ty Cổ Phần Giải Pháp Giáo Dục ASC

☐ Chưa triển khai.

12. Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất, tài sản chưa?

☐ Đã triển khai. Tên giải pháp và tên nhà cung cấp:.....

☒ Chưa triển khai.

13. Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý tài chính chưa?

☐ Đã triển khai. Tên giải pháp và tên nhà cung cấp:.....

☒ Chưa triển khai.

14. Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý nghiên cứu khoa học chưa?

☐ Đã triển khai. Tên giải pháp và tên nhà cung cấp:.....

☒ Chưa triển khai.

15. Nhà trường đã triển khai các dịch vụ phục vụ người học nào sau đây:

☒ Tuyển sinh online

☐ Đăng ký học tín chỉ

☒ Tra cứu thông tin và kết quả học tập

☒ Các dịch vụ liên quan đến xác nhận của Nhà trường

☒ Thanh toán không dùng tiền mặt

☒ Dịch vụ liên quan đến thư viện

☒ Dịch vụ liên quan đến ký túc xá

☐ Dịch vụ khác (xin liệt kê tên):...

16. Dữ liệu trên các hệ thống thông tin tại Nhà trường có đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học (Quyết định 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo) không?

☒ Có tuân thủ.

☐ Chưa tuân thủ.

17. Có triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành (e-office) không?

☒ Có triển khai, tên giải pháp: Phần mềm hành chính điện tử E-office

- Hệ thống đã cập nhật mã định danh văn bản, mã định danh của các cơ quan nhà nước chưa (theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020) chưa?

☐ Đã cập nhật. Mã định danh:..... ☐ Chưa cập nhật

- Hệ thống đã đáp ứng yêu cầu phục vụ gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan (theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018) chưa?

☐ Đã đáp ứng ☐ Chưa đáp ứng

☒ Chưa triển khai. Nhu cầu triển khai và kết nối với hệ thống e-office của Bộ:

☒ Có nhu cầu triển khai. ☐ Không có nhu cầu triển khai

18. Triển khai Thư điện tử

- Nhà trường cung cấp hệ thống thư điện tử cho đối tượng nào sau đây:

☒ Cán bộ quản lý ☒ Giảng viên

☒ Nhân viên ☐ Sinh viên, học viên

- Nền tảng công nghệ triển khai thư điện tử của đơn vị:

☐ Phần mềm nguồn mở ☐ Phần mềm đóng gói

☐ Tự xây dựng, triển khai ☒ Trên nền Gmail App của Google

☐ Khác (ghi rõ).....

IV. Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá

19. Nhà trường có triển khai đào tạo trực tuyến trực tiếp (qua phần mềm như Microsoft Teams, Zoom, Google Meet hoặc phần mềm tương đương khác) không?

☒ Có và triển khai thường xuyên, hàng ngày.

☐ Có và triển khai không thường xuyên.

☐ Chưa triển khai.

20. Nhà trường có triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS/LCMS) không?

☐ Có triển khai. Tên giải pháp:.....

☒ Chưa triển khai.

21. Nhà trường có triển khai kiểm tra, đánh giá thường xuyên trên hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS/LCMS) không?

☐ Có triển khai.

☒ Chưa triển khai.

22. Nhà trường có triển khai tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính (trên phòng máy tính nối mạng LAN) không?

☒ Có triển khai. Tỷ lệ học phần đã triển khai: 10%

☐ Chưa triển khai.

23. Nhà trường có triển khai hệ thống thư viện điện tử/thư viện số không?

☒ Có triển khai. Tên giải pháp, tên nhà cung cấp:.....

☐ Chưa triển khai.

V. Phát triển nhân lực ứng dụng CNTT

24. Nhà trường có tổ chức các khóa đào tạo khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin cho cán bộ, giảng viên không?

☒ Có, thường xuyên. ☐ Có, nhưng không thường xuyên.

☐ Không tổ chức.

25. Tỷ lệ giảng viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ CNTT nhằm đổi mới phương pháp dạy học

☒ 100% giảng viên. ☐ Trên 80% giảng viên.

☐ Trên 50% giảng viên. ☐ Trên 30% giảng viên.

☐ Dưới 30% giảng viên.

26. Tỷ lệ giảng viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử

☒ 100% giảng viên. ☐ Trên 80% giảng viên.

☐ Trên 50% giảng viên. ☐ Trên 30% giảng viên.

☐ Dưới 30% giảng viên.

VI. Định hướng và nhu cầu phát triển CNTT

27. Nhà trường có chiến lược/kế hoạch phát triển ứng dụng CNTT, chuyển đổi số không?

☒ Đã ban hành. Số văn bản: 189/KH-LTT-TTĐH ngày 05/4/2023

☐ Chưa ban hành

28. Các khó khăn lớn nhất khi triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại Nhà trường là gì?

☒ Thiếu kinh phí ☒ Thiếu nhân sự ☐ Thiếu hạ tầng kỹ thuật

☐ Khác:

29. Nhu cầu nâng cấp hoặc đầu tư ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong thời gian tới

☐ Ghi rõ nội dung đề xuất, yêu cầu:

VII. Kinh phí đầu tư ứng dụng CNTT, CDS

30. Kinh phí đầu tư cho đầu tư ứng dụng CNTT, CDS trong 03 năm (2022, 2023, 2024) gần đây:

- Tổng kinh phí: 2.357 triệu VNĐ đồng.

- Nguồn kinh phí: nguồn ngân sách.

31. Kinh phí duy trì, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hàng năm 2024: 628 triệu VNĐ đồng.

- Tổng kinh phí: 628 triệu VNĐ đồng.

- Nguồn kinh phí: nguồn ngân sách và nguồn thu học phí của nhà trường.

VIII. Các nội dung đề xuất khác (ghi cụ thể): không có
